

# Hoàn thiện cơ cấu năng lực trong người sản xuất hàng hóa trong nông thôn đồng bằng sông Cửu Long

NGUYỄN QUANG VINH

Mọi tính toán để xác lập chiến lược phát triển cho mỗi quốc gia trong bối cảnh của thế giới hiện đại, luôn luôn bao hàm chương trình xử lý *tài nguyên – con người* như là một trong những chương trình quan trọng nhất và khó khăn nhất, người ta có thể nhập khẩu ở các máy móc hiện đại cho công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ thông tin...; có thể hoạch định các chương trình tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến... Song tất cả những chương trình cách tân nền kinh tế quốc dân đó sẽ mất hết nội dung tiến bộ của nó nếu con người sản xuất ở quốc gia bản địa không có năng lực và độ sẵn sàng cao để tiếp nhận, đồng hóa và thích nghi chúng với môi trường “văn hóa sản xuất” tại chỗ. Ngay đối với những quốc gia đã đạt tới một trình độ cách tân kỹ thuật sản xuất khá cao – như Nhật Bản, ở đó, chiến lược giáo dục và đào tạo đã được triển khai khá sớm dưới ánh sáng của tư tưởng chỉ đạo “chất lượng con người Nhật Bản quyết định sự sống còn của nền kinh tế quốc dân”, sự thách đố cũng vẫn luôn luôn đặt ra gay gắt. Họ không phải ngừng tìm cách đáp ứng đòi hỏi ngày càng tăng lên một cách khách quan là “làm sao để công chúng chấp nhận các kỹ thuật mới” (từ các kỹ thuật của phương Tây nhập vào, tới các kỹ thuật tiên tiến của Nhật Bản do tiến trình R – D – nghiên cứu/ phát triển – trong nước thâm nhập được<sup>1</sup>). Trong điều kiện của các nước đang phát triển, như nước ta, khi hàng trang của con người sản xuất – nhất là con người sản xuất trong nông thôn – còn có nhiều khuyết điểm và bất cập, thì cường độ của sự thách đố này càng đặc biệt gay gắt. Trong bài viết này chúng tôi xin chỉ giới hạn vào việc gợi lên một vài khía cạnh thực tiễn của vấn đề hoàn thiện cơ cấu năng lực của con người sản xuất hàng hóa trong nông thôn đồng bằng sông Cửu Long, dựa trên kết quả một số cuộc điều tra xã hội học gần đây.

## I – NHỮNG NĂNG LỰC SẢN XUẤT QUÝ BÁU DO CÁC ĐIỀU KIỆN LỊCH SỬ ĐẶC THÙ NHÀO NẶN

Cuộc điều tra nghiên cứu thực địa của chúng tôi đã thâm nhập được những chỉ báo khá đặc trưng, giúp phác họa nên chân dung người nông dân năng động của một vùng đất đã bắt đầu phát triển sản xuất hàng hóa, và đã có sự kết hợp bước đầu giữa những

---

1. R – D: Research – Deploymen.

kinh nghiệm sản xuất cổ truyền hợp lý với những tiến bộ kỹ thuật được đưa vào qua những ngã đường thiết thực.

1. Khảo sát ở bốn xã tiêu biểu cho bốn vùng sinh thái lớn của ĐBSCL<sup>1</sup>, chúng tôi thấy 85% các gia đình nông dân có cội rễ từ nhiều đời trong thôn ấp (13% chuyển cư đến trước năm 1975 và 2% đến sau 1975). Đó là điều kiện khách quan cho phép bà con (nhất là các chủ hộ) – thông qua cơ chế trao truyền kinh nghiệm liên thế hệ - nhận thức và vận dụng thông minh những đặc điểm sinh thái của quê hương vào hoạt động sản xuất. Hiệu quả khai phá và kinh doanh trên đất đai, mặt nước, ... thông qua tìm tòi sáng tạo và qua những trả giá “thử sai” của bà con, đã có thể *cống hiện một bản đồ sinh thái chất phác và cực kỳ quý báu cho khoa học, kỹ thuật nông nghiệp*. Nhiều cách thức dân gian để thau mặn, ém phèn, khai thác khả năng luân canh trong từng khu vực nhỏ, đào ao lên liến, nuôi bắt tôm cá, v.v... đã được các nhà khoa học kỹ thuật nông nghiệp sau này thu ra những cơ sở khoa học hợp lý không thể chối cãi.

2. Điều cần nhấn mạnh là người nông dân đồng bằng sông Cửu Long không dừng lại ở những công nghệ sản xuất nông nghiệp dựa thuần túy trên sự mò mẫm để tích lũy kinh nghiệm có tính chất cổ truyền. Các điều kiện lịch sử khách quan trong vòng nửa thế kỷ trở lại đây đã thúc đẩy việc xác lập ngày càng rõ nét xu thế sản xuất hàng hóa trong nông thôn. Và đó là một động lực thường trực kích thích một tỷ trọng người lao động nông thôn ngày càng lớn tiếp nhận các kỹ thuật canh tác (và phần nào, kỹ thuật chăn nuôi) có tính chất tiến bộ, từ bên ngoài đưa vào. Khoảng cuối những năm 60, hàng trăm ngàn máy cơ khí nông nghiệp nhỏ và vừa, cùng hàng ngàn tấn lúa giống ngắn ngày được đưa vào miền Nam, đã khách quan tạo nên một “cái hích” quan trọng cho sự thay đổi cơ cấu năng lực sản xuất của người nông dân trong vùng. Các thế hệ người lao động nông thôn đồng bằng sông Cửu Long từ thập niên 60 trở lại nay đã được hướng dẫn làm quen rộng rãi với việc sử dụng máy đui tôm, máy xới, máy tuốt lúa, bình xịt thuốc trừ sâu, v.v... Mối quan hệ tiếp xúc của cư dân nông thôn với môi trường đô thị trong vùng cũng khá phát triển, và vẫn được duy trì đến ngày nay<sup>2</sup>. Ảnh hưởng của lối sống đô thị đã để lại dấu ấn nhất định trên đặc điểm ứng xử kinh tế của bà con nông dân, trong đó bao gồm cả sự đáp ứng tích cực đối với các tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp được đưa vào đời sống thôn ấp. Các công trình nghiên cứu xã hội của một số tác giả nước ngoài về cư dân đồng bằng sông Cửu Long cuối thập niên 70 đã ghi nhận tinh thần nhạy bén tiếp thu kỹ thuật mới, khả năng tự biến đổi và thích nghi của người nông dân để nâng cao năng lực tác động tới môi trường sống mà họ hiểu biết khá tường tận.

Nét độc đáo của cơ chế chuyển giao kỹ thuật mới vào nông thôn đồng bằng sông Cửu Long là ở chỗ các kỹ thuật mới đó được “trình diễn” và bộc lộ sức hấp dẫn của nó thông qua tấm gương của những người làm ăn giỏi, thông qua kinh nghiệm vận dụng kỹ thuật có hiệu quả của những người làm trúng mùa. Cơ chế này giờ đây vẫn

1. Vùng đồng bằng nước ngọt, vùng đồng bằng nhiễm mặn, vùng tứ giác Long Xuyên, vùng bán đảo Cà Mau.

2. Số liệu của cuộc điều tra năm 1988 chúng tôi thực hiện ở bốn xã trọng điểm cho thấy: trong vòng 12 tháng, 49,2% lao động nông thôn từ 16 tuổi trở lên đã có ít nhất một lần đi tới một thị xã, hoặc thành phố Cần Thơ, hoặc thành phố Hồ Chí Minh.

còn tiếp tục phát huy tác dụng. Cuộc điều tra năm 1988 cho thấy tấm gương của các hộ trồng lúa ngắn ngày giỏi đã hấp dẫn 76% các chủ hộ tìm đến thực hiện kỹ thuật này. Trong việc sử dụng kỹ thuật bón phân hóa học, các gương tốt trong thôn ấp có ảnh hưởng tới 40% chủ hộ. Ở các xã ấp được điều tra, đâu đâu cũng có thể phát hiện năm, bảy hộ được coi là những điểm trình diễn tự nhiên về áp dụng kỹ thuật mới, và hiệu quả thực tế trực quan tạo được uy tín cao (biểu hiện bằng các “lá thăm tín nhiệm” dày đặc). Khi được hỏi: “Sắp tới, bản thân ông (bà) có dự định tìm học thêm vị kỹ thuật nông nghiệp để nâng cao kết quả sản xuất không?”, 69% lao động nông thôn từ 16 tuổi trở lên trong mẫu điều tra đã cho biết họ sẽ tiếp tục “Tìm học kinh nghiệm của người làm ăn giỏi”, trong khi đó, chỉ có 20,7% cho biết sẽ “Tìm học cán bộ khoa học kỹ thuật cơ sở” (ở số lao động có trình độ học vấn cấp II, III, tỷ lệ này lên được tới 36%).

Trong vòng 13 năm trở lại đây (sau 1975), 88% các hộ gia đình được điều tra đã có áp dụng thêm ít nhất một kỹ thuật sản xuất mới (thứ tự từ nhiều tới ít như sau: sử dụng giống lúa mới / vận dụng kỹ thuật thủy lợi nhất tầng vụ, chuyên vụ / áp dụng các kỹ thuật chăm bón mới đối với cây trồng / thực hành kỹ thuật bảo vệ thực vật / sử dụng nhiều hơn công cụ cơ khí trong canh tác / học và áp dụng kỹ thuật nuôi trồng thủy sản / chăm sóc thú y cho vật nuôi).

3. Bên cạnh năng lực sản xuất nông nghiệp đa dạng và có nhiều yếu tố tiến bộ, trong một bộ phận nông dân đồng bằng sông Cửu Long ngày nay đang biểu hiện hoặc còn tiềm ẩn một năng lực sản xuất *thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp* đáng chú ý. Hiện có 18% các *hộ nông dân* đang có nghề tiểu thủ công trong gia đình và khoảng 1% các hộ có người tham gia các tổ chức sản xuất tiểu thủ công nghiệp tập thể trong thôn ấp. Đứng về *lực lượng lao động nông thôn* mà xét, hiện có gần 14% người lao động trên 16 tuổi đã được trang bị một tay nghề tiểu công nghiệp hoặc thủ công nghiệp, tuy 1/3 trong số đó còn chưa có dịp được thi thố và tiếp tục nâng cao kỹ năng thông qua hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Các kết quả khảo sát năm 1988 ở trong vùng cũng cho thấy *các nhân tố văn hóa cộng đồng cổ truyền*, như các quan hệ thân tộc, láng giềng, các quan hệ trong cộng đồng tôn giáo, *không có ảnh hưởng thất buộc hoặc cản trở đối với quá trình tiếp nhận các kỹ thuật mới* (trong nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp) của bà con nông dân. Trái lại cơ chế thông tin truyền thống đã vận hành từ lâu đời trong nội bộ thôn ấp, dựa trên nguyên tắc *truyền miệng, nêu gương và mô phỏng* vẫn có được tác động tích cực trong khi kết hợp với các cơ chế chuyên giao kỹ thuật theo phương pháp hiện đại. Hơn nữa, các quan hệ cộng đồng lợi ích chặt chẽ và cách tổ chức sản xuất mạch lạc của thiết chế *gia đình nông dân* đang đóng một vai trò rất quan trọng trong việc quyết định tiếp nhận, quảng bá và thực hành kỹ thuật mới trong cư dân đồng bằng sông Cửu Long, ngay cả trong điều kiện đã xuất hiện các hình thức tiếp đoàn sản xuất hoặc hợp tác xã.

Dù nhìn từ góc độ xu thế đa dạng hóa cơ cấu xã hội – nghề nghiệp của cư dân nông thôn, hay từ góc độ phát triển sản xuất hàng hóa, thì bức tranh về các đặc điểm của người nông dân đều đáng được ghi nhận như một *tiền đề* vô cùng quý báu cho việc triển khai chương trình phát triển nông thôn trong tương lai.

## II – NHỮNG MÂU THUẬN CẦN GIẢI QUYẾT ĐỂ HOÀN THIỆN CƠ CẤU NĂNG LỰC CỦA CƯ DÂN NÔNG THÔN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TRƯỚC CÁC THÁCH ĐÓNG MỚI CỦA QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN HIỆN ĐẠI

Xác định một thái độ khách quan, khoa học, khi “kiêm kê” và đánh giá những năng lực sản xuất quý báu của người nông dân cũng như đặc điểm lối sống trên lĩnh vực sản xuất của họ, không phải là một việc dễ dàng. Có một số người, chưa với việc đề cao một cách chính đáng các năng lực đó, đã nhấn mạnh một chiều và có phần tuyệt đối hóa các năng lực này, mà không thấy còn tồn tại một loạt *hạn chế và mâu thuẫn* đòi hỏi phải được xử lý công phu và có hệ thống. Các năng lực sản xuất không thể hình thành một lần cho mãi mãi. Quá trình tiếp nối tự nhiên giữa các thế hệ cũng không tự động bảo đảm sự tiếp nối và phát triển thích đáng các năng lực sản xuất trong các thế hệ tới sau, phù hợp với các đòi hỏi rất khắc nghiệt của sự phát triển xã hội.

Dưới đây, chúng tôi xin nêu lên *ba mâu thuẫn* lớn cần phải được giải quyết đồng bộ, để cho thế hệ người sản xuất hàng hóa hôm nay (và thế hệ kế thừa trực tiếp của họ trong nông thôn đồng bằng sông Cửu Long) có thể phát huy được toàn vẹn tiềm năng “tài nguyên - con người”, phục vụ cho việc hiện thực hóa chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Đồng thời, việc giải quyết các mâu thuẫn đó cũng giúp cho người lao động nông thôn có được một năng lực, một lối sống tương xứng với vai trò chủ thể sáng tạo của địa bàn trọng điểm sản xuất hàng hóa ở phía Nam của Tổ quốc.

### 1. Giải quyết mâu thuẫn giữa đòi hỏi ngày càng cao của quá trình trí tuệ hóa, khoa học hóa sản xuất, với trình độ học vấn và tri thức kỹ thuật còn thấp của cư dân đồng bằng sông Cửu Long.

Có người nói: “Miễn sao người ta sản xuất được nhiều lúa gạo, nhiều thịt cá nhiều sản phẩm hàng hóa, chứ việc gì phải lo chuyện học thấp, học cao. Và lại, nếu nói đến tri thức kỹ thuật, tài chính nó đang được thể hiện ở chỗ bà con làm ra ngày càng nhiều sản phẩm, chứ còn đi tìm ở đâu cao xa nữa?”. Chúng tôi không chia sẻ với một cách nhìn “thực dụng” và thiếu quan điểm phát triển như vậy. Cần đánh giá năng lực sản xuất và lối sống của người nông dân Việt Nam ngày nay trong bối cảnh đất nước mở cửa cố gắng hòa mình với nền kinh tế thế giới và khu vực đang biến đổi nhanh, dưới tác động vũ bão của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật. Phải nhận rằng năng suất lao động của chúng ta vẫn còn rất thấp, nếu sử dụng thước đo của nền nông nghiệp thế giới hiện đại. Xu thế phân công lao động trong những thập kỷ tới đang đặt lên vai những người lao động nông nghiệp và công nghiệp nông thôn nhiều gánh nặng mới, mà trình độ được gọi là “nhạy bén”, “năng động” của ngày hôm nay sẽ không thể nào kham nổi. Các quan sát khách quan cho thấy những trường hợp tăng trưởng kinh tế nhanh chóng vượt bậc ở một số quốc gia trong vùng châu A- Thái Bình Dương đều có một trong những điểm tựa mạnh là một chiến lược đầu tư phát triển giáo dục quốc dân, dạy nghề và mở mang dân trí một cách có hệ thống, trong một vài trường hợp, nó đã làm thay đổi hẳn chất lượng trí tuệ của các thế hệ nhân dân, để *đáp ứng và đón đầu* các đợt sóng phát triển kinh tế.

Hiện nay, phải nhận rằng *trình độ học vấn của cư dân nông thôn đồng bằng sông Cửu Long nói chung còn thấp*, ngay cả khi so sánh với trình độ học vấn trung bình của cả nước (tuy khoảng cách này có được rút ngắn lại trong mấy năm gần đây). Tỷ lệ cán bộ khoa học kỹ thuật tự trung cấp trở lên (tính trên 100.000 dân) chỉ bằng khoảng

gần ½ mức bình quân cả nước. Trong lực lượng các chủ hộ nông dân – những người trực tiếp điều khiển sản xuất và lựa chọn kỹ thuật sản xuất trong cái “bản doanh” của mình – vẫn còn 5% mù chữ; 71,2% còn ở trình độ cấp I toàn cấp hoặc chưa toàn cấp; 32,2% có trình độ cấp II hoặc cấp III.

Có một quy luật đáng lưu ý là quá trình tiếp nối giữa các thế hệ trong nông thôn đồng bằng sông Cửu Long cho thấy một xu thế tăng cao không ngừng tỷ trọng có trình độ cấp II, III ở chặng tuổi chủ hộ từ 31 đến 45 (30,9%) và nhất là ở chặng tuổi 16 đến 30 (41,4%). Trong *cư dân nông thôn trẻ và tương đối trẻ* (tính tới 45 tuổi), với học vấn tương đối cao hơn, đã xuất hiện *những dấu hiệu tốt đẹp* về những nhu cầu văn hóa và phong cách ứng xử mới trên *lĩnh vực trí tuệ hóa lao động nông nghiệp*. Không thể không thừa nhận một thực tế là có mối tương quan giữa trình độ học vấn cao với những cải biến tích cực trong lối sống của con người sản xuất.

Tuy nhiên, vấn đề không chỉ là trang bị kiến thức phổ thông ngày càng cao. Việc phát huy tiềm năng học vấn đang tăng dần của cư dân nông thôn đồng bằng sông Cửu Long vào sản xuất và đời sống còn gặp ít khó khăn, mâu thuẫn. Thí dụ: Trong định hướng nghề nghiệp của học sinh cấp III ở Hậu Giang – một tỉnh nông nghiệp lớn trong vùng – hướng dành cho các nghề thuộc khoa học kỹ thuật còn nhỏ bé. Theo cuộc điều tra 10,131 học sinh cấp III của tỉnh trong năm học 1985 – 1986, chỉ có 5,46% các em có nguyện vọng hướng về khoa học kỹ thuật nông nghiệp. Ngành giáo dục cầu tỉnh này có cố gắng lớn, nhưng vẫn chưa thành công trong việc đưa môn khoa học kỹ thuật nông nghiệp vào cho học sinh cấp III nông thôn, để khi tốt nghiệp phổ thông, các em có được trình độ kỹ thuật viên nông nghiệp. Một số học sinh sau khi tốt nghiệp, về làm ruộng với bố mẹ, do nhiều nguyên nhân xã hội và tâm lý – xã hội, chưa tích cực tham gia các hoạt động khoa học kỹ thuật nông nghiệp, thậm chí có khi biết, mà nói là “không biết”. Trong khi đó, cuộc sống lại đòi hỏi phải hoàn thiện hơn nữa cơ chế chuyển giao kỹ thuật mới vào nông thôn, với sự tham gia của động hơn của mọi lực lượng ở cơ sở đã được trang bị tri thức khoa học và trình độ học vấn chung tương đối khá.

Trong bối cảnh ấy, tình trạng giáo viên nông thôn bỏ nghề (hoặc dạy dỗ trễ nải) đang tăng lên, học sinh bỏ học sớm, một số trường phổ thông ở vùng sâu hoạt động cầm chừng vì trường sở xé quá nhỏ và giao thông nông thôn gặp nhiều trở ngại (nhất là vào mùa nước to)... là những chỉ báo đáng lo ngại. Dù sao, việc xử lý mỗi mâu thuẫn đang được đề cập đến ở đây phải được tiến hành triệt để, với một tầm nhìn chiến lược. Bởi vì vận mệnh của sự phát triển vùng có mối quan hệ hữu cơ với việc hoàn thiện cơ cấu năng lực của chủ thể sản xuất. Mà cơ chế bảo đảm cho sự hoàn thiện này lại có “đường dây” đến tận mạng lưới giáo dục phổ thông, công tác hướng nghiệp, và vận dụng tiềm năng học vấn của tuổi trẻ nông thôn.

## **2. Giải quyết mâu thuẫn giữa “chủ nghĩa kinh nghiệm” còn giữ vai trò ưu thắng, với sự tiếp sức không đầy đủ của cơ chế chuyển giao kỹ thuật tiên tiến và với sự yếu kém của hệ thống truyền thông nông thôn**

a) Trong những năm gần đây, một số trung tâm khoa học kỹ thuật nông nghiệp hoặc trường đại học lớn ở miền Nam<sup>1</sup> đã có nhiều hoạt động phong phú nhằm xây

1. Như Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp miền Nam, Viện lúa đồng bằng ở Ô Môn, Trường Đại học Cần Thơ, v.v...

đựng trên thực tế một cơ chế chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp tiên tiến cho nông dân đồng bằng sông Cửu Long: Điều tra cơ bản về mặt kỹ thuật nông nghiệp thông qua khảo sát khoa học và đối thoại với bà con làm ăn giỏi: xây dựng các kỹ thuật thích hợp được đề nghị; trình diễn kỹ thuật tại chỗ để đối sánh với kỹ thuật cũ; phát hiện các “lỗ hổng” của quá trình thích nghi và tiến hành thực nghiệm các giải pháp bổ sung. Các trung tâm này cũng bắt đầu xây dựng mạng lưới các nông dân giỏi<sup>5</sup>, các kỹ thuật viên về chọn giống, trồng trọt, sử dụng phân bón, bảo vệ thực vật...; lôi kéo họ vào các cuộc trình diễn canh tác tại chỗ hoặc các lớp tập huấn kỹ thuật ở cơ sở Nguyên lý “vết dầu loang” đã được vận dụng. Hình dáng của một cơ chế chuyển giao kỹ thuật và nâng cao cơ cấu năng lực của nông dân trong vùng đang từng bước hình thành và tỏ ra có triển vọng tốt, và khá phù hợp với tâm lý nông dân.

Tuy vậy, tầm ảnh hưởng của vùng “vết dầu loang” này còn hạn hẹp. Do đó, theo sự quan sát của chúng tôi, vai trò ưu thắng hiện này vốn thuộc về chủ nghĩa kinh nghiệm, phong cách mò mẫm “thử - sai”, và tự điều chỉnh theo kiểu phỏng chừng ở những mùa vụ sau. Do mạng lưới cán bộ khoa học và kỹ thuật viên ở địa phương, cơ sở còn mỏng, và do bà con còn bị trói buộc trong nếp ứng xử kinh nghiệm chủ nghĩa, nên đông đảo bà con nông dân vừa chưa có điều kiện, vừa chưa có nhu cầu nội tại mạnh mẽ tìm đến sự hỗ trợ của *tri thức kỹ thuật*, của *cán bộ khoa học kỹ thuật*, với thái độ chủ động cao. Mặc dầu việc tận dụng và phát huy kênh trao truyền kỹ thuật mới thông qua các tấm gương là một hướng hết sức chính xác, song cũng không nên tuyệt đối hóa nó. Không nên sử dụng nó một cách cô lập khỏi một cơ chế đồng bộ hơn, theo tinh thần vừa thiết thực chuyển giao cho được các kỹ thuật cụ thể vừa thúc đẩy một cách *có chủ đích* xu thế trí tuệ hóa lao động, nâng cao dân trí, khuyến khích xu hướng kết hợp phong cách *mô phỏng* với phong cách *duy lý* trong cư dân nông thôn, nhất là trong nhóm cư dân trẻ đại biểu cho tương lai.

*Trên thực tế*, trong một bộ phận nhỏ thanh niên và trung niên nông thôn đồng bằng sông Cửu Long đã bắt đầu xuất hiện những yêu cầu mới mẻ và tiến bộ, mang những *mầm mống của phong cách duy lý*. Đáng có nhu cầu đối với *sách phổ cập khoa học kỹ thuật nông nghiệp đơn giản* trong khoảng 1/6 cư dân trên 16 tuổi (được điều tra); ở số người có học vấn cấp II – III, tỷ lệ này lên đến gần 26%. Hiện có trên toàn cư dân trên 16 tuổi có ý định *xin theo học một lớp kỹ thuật nông nghiệp ngắn ngày ở cơ sở* (nếu có); ở thành niên nông thôn, tỷ lệ này lên đến 13%, và đạt tới 17% nơi nhóm nông dân có học vấn cấp II – III. Chúng tôi cũng đã ghi nhận được rằng trong mấy năm gần đây, 15% lao động nông thôn có đọc ít nhất một bài báo hoặc một cuốn sách về kỹ thuật trồng trọt (hoặc chăn nuôi), và khoảng 10% của số người có đọc, còn có thể ghi lại được cho chúng tôi đầu đề của bài báo hoặc cuốn sách mà họ đã xem. Rõ ràng là chúng ta cần và có thể dựa vào xu hướng tiến bộ đang nhen nhóm đó trong cư dân đồng bằng sông Cửu Long, để thúc đẩy nhanh hơn quá trình giải quyết mâu thuẫn đang xét.

b) Việc hoàn thiện tập quán tiếp xúc với kỹ thuật mới của bà con nông dân đồng bằng sông Cửu Long còn phụ thuộc một phần đáng kể vào trình độ phát triển *hệ thống truyền thông* nông thôn. Các quan điểm về lợi ích, các định hướng giá trị của

5. Theo cơ chế tuyển chọn hiện hành của Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp miền Nam. “người nông dân giỏi” tham gia vào quá trình trình diễn kỹ thuật là những người đã đạt năng suất cao ít nhất 6 vụ.

con người trong thôn ấp – vốn luôn luôn đứng phía sau các sự lựa chọn kỹ thuật - đạt được nuôi dưỡng trong một chừng mực lớn tao bởi các nguồn thông tin chính trị, kinh tế khoa học kỹ thuật từ bên ngoài đưa tới, vậy mà, trong tình trạng hiện nay, việc bà con nông dân tiếp xúc với các kênh thông tin chính thống còn rất bị hạn chế. Theo sự khảo sát của chúng tôi, trong quá trình tiếp nhận các tin tức về sản xuất nông nghiệp, về chính sách nông nghiệp, ảnh hưởng của đài phát thanh, báo chí và loa truyền thanh địa phương (cơ sở) còn rất thấp. Đó là chưa nói tới khoảng 1/5 cư dân trên 16 tuổi (được điều tra ở bản vùng tiêu biểu) đã nói rõ là họ “hoàn toàn không chú ý” đến các thông tin này, trong đó tỷ lệ đông đảo hơn cả là nữ nông dân, bao gồm cả nữ thanh niên nông dân.

Tuy ở trong nông thôn đang vận hành cơ chế thông tin truyền miệng khá linh hoạt (người ta được biết tin tức nhờ “nghe bà con lối xóm nói lại”, song vấn đề gay gắt nhất đặt ra ở đây là về mặt thông tin chính thống, nông thôn ta *chưa có nguồn vào đủ mạnh*. Chính là, trong tình trạng nguồn vào còn yếu, mà nội dung thông tin lưu hành hàng này nơi thôn ấp thường bị lấn lướt bởi đủ thứ các tin đồn hoặc các tin tức chính thống đã ít nhiều bị cắt xén hoặc bóp méo, tình trạng “rời”, “nhiều” về mặt thông tin và nhận thức không chuẩn xác xung quanh chính sách ruộng đất hồi năm 1988 vừa qua ở nhiều thôn, ấp là một trong những hiện tượng điển hình.

Tóm lại, cần có một cách tiếp cận vấn đề có hệ thống và đồng bộ hơn, với sự quán triệt quan điểm phát triển, khi xem xét và điều chỉnh phong cách tiếp nhận kỹ thuật của người nông dân theo phương hướng tiến bộ. Sự điều chỉnh này không phải bao giờ cũng có tính chất trực tiếp, mà thường phải thông qua những bước trung gian, và được tác động từ nhiều hướng (học vấn, kiến thức kỹ thuật duy lý, thông tin, v.v...).

### **3. Giải quyết mâu thuẫn giữa tiềm năng lớn về mở rộng và nâng cao năng lực sản xuất tiểu, thủ công nghiệp của cư dân đồng bằng sông Cửu Long, với sự thiếu vắng một chiến lược công nghiệp nông thôn sáng rõ.**

Để góp phần xứng đáng vào chương trình sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến các sản phẩm nông nghiệp và tham gia xuất khẩu, cần lưu tâm tới một tiềm năng tay nghề tiểu thủ công nghiệp nông thôn đang muốn thức dậy, nhưng chưa thể tự mình thực hiện được. Như đã nói ở phần trên, theo các số liệu điều tra thông 5-1988, hiện còn có 4,4% người lao động nông thôn đã có sẵn một nghề thủ công nghiệp hoặc tiểu thủ công nghiệp trong tay, nhưng chưa có cơ hội thi thố. Trong các cộng đồng nông dân miền Bắc chuyển cư vào đồng bằng sông Cửu Long sau 1975, tỷ lệ có tay nghề ở tình trạng như trên, còn cao hơn nữa.

Điều quan trọng hơn là, *tâm lý* của một bộ phận khá đông đảo bà con nông dân trong vùng (47% số hộ được điều tra) có nguyện vọng cả mật độ sẵn sàng cao để tham gia *mở nghề* sử dụng các tay nghề *đã có* và *học hỏi các ngành nghề mới*.

Ngoài ra, có 14% số hộ được hỏi, tuy còn do dự, nhưng cho biết họ sẽ tham gia làm tiểu, thủ công nghiệp sau một thời gian “chờ xem” kết quả làm ăn của những người đi trước. Như vậy có thể nghĩ rằng đã có tiền đề cho sự xuất hiện *một sự phân công lao động mới trong nông thôn đồng bằng sông Cửu Long*, đa dạng hóa cả cơ cấu năng lực của con người sản xuất trong nông thôn lẫn cơ cấu xã hội – nghề nghiệp của cư dân nông thôn (theo hướng mở rộng các ngành nghề phi nông nghiệp).

Tất cả vấn đề là đã đến lúc phải xác lập thật sáng rõ một *chiến lược phát triển công nghiệp nông thôn* cho vùng đồng bằng này. Cần có một thái độ cởi mở và mạnh bạo hơn để việc khơi nguồn đầu tư từ chỗ trông chờ Nhà nước là chủ yếu, chuyển mạnh xuống nhân dân (kể cả chủ đầu tư là nhà tư bản ở thành phố, thị trấn, thị tứ). Việc đầu tư này không chỉ nhằm đánh thức dậy các tay nghề đã có, mà còn nhằm – và chủ yếu là nhằm – khởi xướng, đào luyện, trang bị cho những *ngành nghề* mới, thích hợp với định hướng của ba chương trình kinh tế lớn của vùng, thích hợp với các điều kiện sinh thái và các nguồn lực tại chỗ. Chiến lược này sẽ kéo theo việc hình thành tương ứng một dịch vụ thông tin, khoa học kỹ thuật, giáo dục chuyên nghiệp trong từng khu vực nông thôn thích hợp. Và đó cũng là cách góp phần mở ra một ngã đường công nghiệp hóa và đô thị hóa hiện thực hơn, phù hợp hơn với trình độ điểm xuất phát của vùng đồng bằng sông Cửu Long đi vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Với phương hướng xử lý vấn đề như thế, các thế hệ hôm nay và ngày mai của nông thôn đồng bằng sông Cửu Long sẽ có được một cơ cấu năng lực sản xuất mà các thế hệ cha anh chưa thể nào đạt tới.

Trong thế giới ngày nay, nhiều khi, giữa các thế hệ công chung sống trên một đất nước, người ta có thể đo lường được những “khoảng cách” tiến bộ của thế hệ trẻ hơn, như là dấu ấn tổng hợp của tiến bộ xã hội. Đó thường là kết quả của sự thâm nhập lẫn nhau nhuần nhuyễn giữa tiến trình phát triển kinh tế - xã hội và tiến trình cách mạng khoa học kỹ thuật.